TUẦN 3

Tiếng việt (tăng)

Luyện tập: Kể lại một cuộc trò chuyện

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Viết được đoạn văn kể một mẩu chuyện có đối thoại. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp, đoạn văn khoảng 7 - 8 câu.

- Biết sử dụng dấu hai chấm và dấu gạch ngang báo hiệu lời nói trực tiếp của nhân vật.

- Phát triển năng lực văn học: Biết kể một mẩu chuyện có ý nghĩa.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách viết chính tả của bạn.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc. Hoà đồng với mọi người.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

a.Mục tiêu:

*+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.*

*+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*

*+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.*

*+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.*

b. Cách tiến hành

|  |  |
| --- | --- |
| - GV mở bài hát “Chữ đẹp mà nết càng ngoan”.  + Cho HS lắng nghe bài hát.  + Cùng trao đổi nội dung bài hát với HS. | - HS lắng nghe bài hát.  - Cùng trao đổi với GV về nhận xét của mình về nội dung bài hát |

2. Luyện tập.

|  |  |
| --- | --- |
| *Đề bài: Trong tuần vừa qua em đã được trò chuyện với những ai? Em hãy viết đoạn văn kể lại một cuộc trò chuyện đó mà em thích nhất.*  a.Mục tiêu: *HS viết được đoạn văn kể lại một cuộc trò chuyện giữa HS với một người nào đó mà HS đã trực tiếp trò chuyện trong tuần qua.*  b. Cách tiến hành  B1: Chuẩn bị viết bài. | |
| - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý các bước viết một bài văn trong sơ đồ hình tròn.  - GV mời cả lớp thảo luận nhóm 3 theo bước 1, 2, 3 trong sơ đồ.  B2: Viết đoạn văn  - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.  B3: Giới thiệu đoạn văn.  - GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý. Lưu ý HS sử dụng dấu gạch ngang để viết lời nói trực tiếp của nhân vật.  - GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải. (VD: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi trình bày lờ nói trực tiếp của nhân vật,…)  3. Vận dụng:  GV có thể tổ chức cho HS trực tiếp trò chuyện về kết quả học tiết học viết văn hôm nay.  - Nhận xét tiết học. | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát, đọc gợi ý trong sơ đồ hình tròn.  - HS thảo luận nhóm đôi.    - HS viết bài vào vở ô li.  - HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.  - Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - HS khác nhận xét  - HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá.  - Vài cặp HS hỏi đáp trực tiếp trước lớp. |

*Đoạn văn tham khảo*

Hôm qua, em và Hà tranh luận với nhau về chiếc la bàn. Em đố Hà:

- Theo cậu, kim la bàn luôn chỉ về hướng nào?

Hà trả lời ra vẻ tự tin:

- Hướng Bắc.

Em từ tốn giảng giải cho Hà:

- Bạn trả lời mới đúng một nửa. Kim la bàn luôn chỉ về hướng Bắc và Nam vì kim la bàn có hai đầu.

Hà gãi tai:

- Ừ đúng rồi! Tớ quên không nghĩ ra kim la bàn có hai đầu.

Còn em cảm thấy rất vui vì em đã giúp bạn nhớ lại kiến thức về chiếc la bàn.

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Tiếng việt (tăng)

Luyện tập: Dấu gạch ngang. Lượt lời

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố cách dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.

- Biết nói đúng lượt lời trong đối thoại để thể hiện phép lịch sự.

- Phát triển năng lực văn học:

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Yêu bố mẹ, biết quý trọng những điều bố mẹ đã làm cho mình. Biết nhận lỗi và xin lỗi.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động  - Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng làm gì?  - Các nhận vật trong câu chuyện đối thoại như thế nào?  *=>GV chốt KT:* *Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại. Nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói.* | + Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.  + Nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mói nói. |
| 2. Hướng dẫn HS làm bài tập.  **Bài 1. (BP) Tìm các câu có chứa dấu gạch ngang (dấu -) trong các đoạn văn sau:**  a. Thấy tôi sán đến gần, ông hỏi tôi:  - Cháu con ai?  - Thưa ông, cháu là con ông Thư.  ***Duy Khánh***  **b. Cậu con trai ôm chầm lấy cha:**  **- Cha ơi! Con đã bảo các bạn là nhất định cha sẽ cứu con và các bạn mà!**  c. Cầm bài kiểm tra trên tay, mẹ em mỉm cười xoa đầu em khen ngợi:  - Con gái của mẹ giỏi quá! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm câu chứa dấu gạch ngang.  - Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng làm gì?  - GV nhận xét.  *=>GV chốt KT:* *Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.* | - HS đọc yêu cầu bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm câu chứa dấu gạch ngang.  - Đại diện HS trình bày:  a. - Cháu con ai?  - Thưa ông, cháu là con ông Thư.  b. **- Cha ơi! Con đã bảo các bạn là nhất định cha sẽ cứu con và các bạn mà!**  **c.**- Con gái của mẹ giỏi quá!  - Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.  - Đánh dấu lời nói của các nhân vật trong câu chuyện. |
| **Bài 2.** (BP) Đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện.  Tìm câu sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nhân vật trong cuộc trò chuyện.  *Tan học, vừa chạy về nhà em vội rút bài kiểm tra hôm nay khoe với mẹ:*  *- Con chào mẹ. Mẹ ơi, hôm nay kiểm tra toán con được điểm 10, mẹ ạ.*  *Nhìn bài kiểm tra, mẹ em cười nói:*  *- Con gái của mẹ giỏi quá!* | |
| - GV đọc câu chuyện  - GV đưa ra một số câu hỏi:  - Khi tan học em chạy về nhà khoe mẹ những gì?  - Mẹ khen con gái như thế nào?  - Câu chuyện giúp em hiểuđiều gì?  - Tìm trong đoạn văn trên câu nào chứa dấu gạch ngang?  - Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng làm gì?  *=>GV chốt KT:* Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại. | - HS chú ý nghe  - Khi tan học em chạy về nhà khoe mẹ hôm này con được điểm 10.  - Con gái của mẹ giỏi quá!  - Câu chuyện giúp em hiểu là phải chăm chỉ học tập sẽ đạt thành tích học tập tốt.  - Con chào mẹ.  - Con gái của mẹ giỏi quá!  - Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại. |
| **Bài 3**. (BP)  Đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện.  Tìm câu sử dụng lượt lời nghi vấn đánh dấu lời nhân vật trong cuộc trò chuyện  Ôi chao! Mùa xuân đến rồi! Mùa xuân là mùa của muôn hoa nở rộ, chúng ta đã thêm được một tuổi xuân. Trong chung ta ai cũng thích mùa xuân có đúng không? | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu chứa lượt lời nghi vấn.  - GV nhận xét và giảng thêm:  Ôi chao! Mùa xuân đến rồi! (câu cảm)  - Mùa xuân là mùa của muôn hoa nở rộ. -- Chúng ta đã thêm được một tuổi xuân. (câu trần thuật). Trong chúng ta ai cũng thích mùa xuân có đúng không? (lượt lời nghi vấn).  *=>GV chốt KT:* Nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói. | -Yêu cầu HS đọc bài.  - HS làm việc nhóm 2 tìm câu chứa lượt lời nghi vấn.  + Trong chúng ta ai cũng thích mùa xuân có đúng không? |
| 3. Vận dụng:  - Tổ chức HS đối thoại về một vấn đề tuỳ HS chọn.  - GV nhận xét giờ học. | * HS trao đổi trong nhóm cặp.   Vài HS hội thoại trước lớp. |

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Tiếng Việt (tăng)

Ôn tập về từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố cho HS về từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái và từ chỉ đặc điểm

2.Năng lực chung.

- Rèn KN tìm từ đúng, kĩ năng dùng từ đặt câu phù hợp yêu cầu cần đạt.

3. Phẩm chất.

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy; Bảng phụ (BT 1,2,3)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Khởi động  -Thế nào là từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, trạng thái, từ chỉ đặc điểm?  - Em hãy tìm 1 từ chỉ sự vật, 1 từ chỉ hoạt động, trạng thái, 1 từ chỉ đặc điểm của sự vật?  *=>GV chốt KT:* Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,…Từ chỉ hoạt động, trạng thái: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài vật, sự vật. Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,…) của sự vật*.* | - HS nêu:  - Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,… - Từ chỉ hoạt động, trạng thái: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài vật, sự vật Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,…) của sự vật.  - HS nêu | |
| 2. Luyện tập.  Bài 1: Tìm các từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái và từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:  Hùng Vương thứ 18 có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng.  (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh) | | | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm từ  - GV nhận xét.  *=>GV chốt khái niệm về* *từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm(như phần KĐ).* | | - HS đọc yêu cầu bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm từ  + Từ chỉ sự vật: Hùng Vương, người, con gái, tên, Mị Nương, hoa, tính nết, vua cha, nàng, con, người chồng  + Từ chỉ hoạt động, trạng thái: có, yêu thương, muốn, kén, cho  + Từ chỉ đặc điểm: đẹp, hiền dịu, hết mực, xứng đáng | |
| Bài 2: Xếp các từ sau thành 3 nhóm từ: Từ chỉ sự vật; từ chỉ hoạt động, trạng thái; từ chỉ đặc điểm:  mùa thu, vui tươi, vui chơi, lan man, quạt điện, yêu thương, xinh tươi, đáng yêu, tình yêu, cánh diều, thương yêu, dễ thương | | | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 3 tìm từ  - GV nhận xét.  *=>GV chốt KT:* *Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,…Từ chỉ hoạt động, trạng thái: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài vật, sự vật. Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,…) của sự vật.* | | - HS đọc yêu cầu bài.  -Yêu cầu HS làm việc nhóm 3 tìm từ  - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét.  + Từ chỉ sự vật: Mùa thu, quạt điện, tình yêu, cánh diều  + Từ chỉ hoạt động, trạng thái: Vui chơi, yêu thương, thương yêu  + Từ chỉ đặc điểm: vui tươi, lan man, xinh tươi, đáng yêu, dễ thương | |
| Bài 3: (BP) Hãy thêm các từ cho sau đây vào trước những từ thích hợp với chúng trong ba cột bên dưới. Cho biết mỗi từ trong ba cột đó thuộc từ loại nào? a. những, các, một b. hãy, đã, vừa c. rất, hơi, quá  …hay …quyển sách …đột ngột  …đọc …phục dịch …ông giáo  …lần …làng …tốt  …nghĩ ngợi …đập …sung sướng | | | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - GV nhận xét, chốt kết quả đúng:  + Từ chỉ sự vật: Một lần, các làng, những ông giáo, một quyển sách,…  + Từ chỉ hoạt động, trạng thái: Đã đọc, vừa nghĩ ngợi, đã phục dịch, vừa đập,...  + Từ chỉ đặc điểm: Rất hay, rất đột ngột, rất phải, quá sung sướng,… | | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở  - 1 HS làm bảng phụ. | |
| 3. Vận dụng:  Em hãy tìm 1 từ chỉ sự vật, 1 từ chỉ hoạt động, trạng thái, 1 từ chỉ đặc điểm của sự vật ? Nói câu với từ tìm được.  - Nhận xét tiết học. | | - HS làm theo nhóm cặp.  - Vài HS nêu miệng trước lớp. | |